TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **332**/2022/QĐST-HNGĐ	*Tân Phú, ngày 26 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 255/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị A, sinh năm 1989;

- *Bị đơn*: Ông Đoàn Ngọc D, sinh năm 1990;

Cùng tạm trú: Số 9/3, Kênh M, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội**.**

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Phạm Thị A và ông Đoàn Ngọc D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ vợ chồng: Bà Phạm Thị A và ông Đoàn Ngọc D thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 20/2018 ngày 18/6/2018 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh T cấp cho bà A và ông D không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa án có hiệu lực pháp lực.

Về quan hệ con chung: Hai bên khai nhận vợ chồng có 02 con chung tên Đoàn Ngọc K, sinh ngày 20/11/2012 và Đoàn Ngọc Như Q, sinh ngày 06/01/2017. Khi ly hôn, hai bên thỏa thuận giao cả 02 con chung cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng. Ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng, (mỗi trẻ 2.500.000 đồng/tháng) cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Bắt đầu đóng từ tháng 4 năm 2022.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà A, nếu ông D không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cấp dưỡng thì ông D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Ông D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí:

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng do bà Phạm Thị A chịu và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng do bà A tự nguyện chịu, tất cả được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà A đã nộp theo Biên lai thu số 0035196 ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q. T;
- Chi cục THADS Q. T;
- UBND xã N,
huyện N, tỉnh T.
- Lưu hồ sơ vụ án (Oanh).

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trần Văn Chinh